

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

**Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng,
xuất nhập khẩu và các khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 1875/BTC-ĐT ngày 22/02/2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai Quyết định số 853/QĐ-TTg ngày 17/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu và các khó khăn, vướng mắc trên địa bàn tỉnh như sau:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, XUẤT NHẬP KHẨU

1. Tình hình sản xuất, kinh doanh

Trong 02 tháng đầu năm 2024, tỉnh Bình Định tập trung triển khai kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 và công tác chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn. Triển khai Nghị Quyết số 75/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, ngay đầu tháng 01/2024, lãnh đạo UBND tỉnh đã tổ chức làm việc với tất cả các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh để nắm chắc tình hình, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh hoàn thành đạt mức cao nhất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Bước vào năm 2024, tiếp nối đà phục hồi của những tháng cuối năm 2023, tình hình sản xuất công nghiệp của tỉnh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng. Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí được tổ chức chu đáo trên địa bàn tỉnh, phục vụ vui Xuân đón Tết cho nhân dân và du khách. Các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch chu đáo phương tiện vận chuyển, tiện nghi cơ sở vật chất, nguồn lực phục vụ du khách; tăng cường tour và chương trình, dịch vụ mới... góp phần "kích cầu" du lịch. Lượng khách du lịch lưu trú tại các cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh trong dịp Tết khá lớn. Sau Tết, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã khẩn trương tập trung vào công việc, theo dõi, tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động nhằm đảm bảo tăng trưởng sản xuất công nghiệp theo kế hoạch.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 02/2024 giảm 17,97% so với tháng 01/2024 và giảm 3,41% so với cùng kỳ. Lũy kế 02 tháng đầu năm 2024, chỉ số IIP tăng 6,32% so với cùng kỳ.

Thị trường bán lẻ hàng hoá tháng 02/2024 chủ yếu tập trung vào những ngày đầu tháng 02 do nhu cầu tiêu dùng, mua sắm Tết của người dân tăng cao so với

những ngày bình thường. Nguồn cung hàng hóa dồi dào, sức mua tại các chợ truyền thống, trung tâm thương mại, siêu thị tăng hơn 20% so với năm ngoái; những ngày cận Tết, sức mua tăng khoảng 300% so với ngày thường. Các mặt hàng Tết đa dạng, phong phú, các sản phẩm đặc sản địa phương được tiêu thụ mạnh hơn mọi năm.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02/2024 ước tính đạt 9.368,5 tỷ đồng, tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 7.480,2 tỷ đồng, tăng 4,2% so với tháng trước và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 02 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước tính đạt 18.323,1 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 14.660,1 tỷ đồng, tăng 8,2%; Nhóm ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.194,2 tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ; Dịch vụ lưu hành ước đạt 74,8 tỷ đồng, tăng 21%; Nhóm ngành dịch vụ khác đạt 1.394 tỷ đồng, tăng 9%.

Về đầu tư trong nước: Toàn tỉnh thu hút mới 09 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 1.717 tỷ đồng; trong đó có 04 dự án trong KKT, KCN với tổng vốn đầu tư 158,35 tỷ đồng, 02 dự án trong CCN với tổng vốn đầu tư 51,10 tỷ đồng, 03 dự án ngoài KKT, KCN, CCN với tổng vốn đầu tư 1.507,68 tỷ đồng. Đồng thời, thực hiện điều chỉnh 05 dự án với vốn tăng thêm 249 tỷ đồng.

Về đầu tư nước ngoài (FDI): Trong 02 tháng đầu năm chưa phát sinh dự án mới trên địa bàn tỉnh.

Về quản lý đăng ký doanh nghiệp: Trong 02 tháng đầu năm đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 215 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 656,4 tỷ đồng. So với cùng kỳ, giảm 1,3% về số doanh nghiệp thành lập mới (cùng kỳ có 218 doanh nghiệp thành lập mới) và giảm 69,3% về tổng vốn đăng ký (tổng vốn đăng ký cùng kỳ là 2.143,2 tỷ đồng). Trong kỳ có 24 doanh nghiệp giải thể, 452 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và 180 doanh nghiệp hoạt động trở lại.

2. Tình hình đầu tư xây dựng, thực hiện dự án trọng điểm

2.1. Đầu tư công

Ngay từ đầu năm, thực hiện các Quyết định giao kế hoạch vốn của Thủ tướng Chính phủ và HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đến từng chủ đầu tư, tạo điều kiện cho các đơn vị, địa phương chủ động triển khai có hiệu quả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu chi đầu tư phát triển, tập trung xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh.

Đối với việc thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu quốc gia phối hợp với các đơn vị, địa phương trong công tác rà soát văn bản còn thiếu, kịp thời tập hợp các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị, địa phương để đề xuất/kiến nghị các cấp có thẩm quyền tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình; tiếp tục duy trì bốn Tổ công

tác liên ngành của tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện và đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nội dung các chương trình MTQG tại các địa phương thụ hưởng.

Tính đến ngày 25/02/2024, giá trị giải ngân vốn đầu tư công do tỉnh quản lý là 1.116,762 tỷ đồng/tỷ đồng, đạt 12,95% kế hoạch năm. Trong đó, giải ngân nguồn vốn đầu tư tập trung là 169,861 tỷ đồng, đạt 27,36%; nguồn thu tiền sử dụng đất là 614,923 tỷ đồng, đạt 10,11%; nguồn xổ số kiến thiết là 24,416 tỷ đồng, đạt 18,15% kế hoạch năm. Ngoài ra, giá trị giải ngân một số nguồn vốn khác như sau: Vốn Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu là 230,477 tỷ đồng, đạt 21,1%; vốn nước ngoài (ODA) là 38,660 tỷ đồng, đạt 20,91% kế hoạch năm...

2.2. Tình hình thực hiện Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa phận tỉnh Bình Định

a) *Công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường GPMB*: Đã phê duyệt 770 đợt, số tiền 4.626,2 tỷ đồng; trong đó, tuyển chính được 11.771/11.771 hộ, diện tích 953,19/953,19 ha, đạt 100%.

b) *Bàn giao mặt bằng, chiều dài tuyến chính*: Đã bàn giao cho Chủ đầu tư diện tích 951/953,19 ha, đạt 99,8%, chiều dài 117,43/117,99km, đạt 99,5%.

c) *Phần GPMB điều chỉnh, bổ sung*: Chủ đầu tư bàn giao bổ sung thêm diện tích khoảng 35,85ha, với 1.722 hộ bị ảnh hưởng. Các địa phương đã thực hiện hoàn thành và đã bàn giao mặt bằng cho Chủ đầu tư đạt 100%.

d) *Công tác bố trí tái định cư*:

- Thực hiện đầu tư xây dựng 40 khu tái định cư, diện tích 71,335ha/1.723 lô đất, tổng mức đầu tư 746,4 tỷ đồng. Đã thi công xây dựng hoàn thành 33 khu (*Hoài Nhơn: 06 khu; Hoài Ân: 09 khu; Phù Mỹ: 05 khu; Phù Cát: 05 khu; Tuy Phước: 04 khu, Tây Sơn: 02 khu; An Nhơn: 02 khu*); 07 khu còn lại (*Hoài Nhơn: 06 khu, đạt 99%; Quy Nhơn: 01 khu, đạt 85%*).

- Đã hoàn thành việc giao đất tái định cư ngoài thực địa cho 904 hộ (1.044 lô đất) để các hộ dân xây dựng nhà.

e) *Xây dựng khu cải táng và di dời mộ mả*: Xây dựng hoàn thành 07/07 khu cải táng, di dời 6.835/6.835 ngôi mộ và 02 điểm mộ thuộc di tích lịch sử Quốc gia, đạt 100%.

g) *Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật do địa phương quản lý*: Các địa phương đã triển khai di dời có bản hoàn thành, chỉ còn cục bộ một số vị trí.

h) *Di dời tuyến điện trên 110kV và hệ thống hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan Trung ương quản lý*

- Tuyến điện trên 110 kV:

+ Đã thi công xây dựng và đã đóng điện được 87/87 vị trí, đạt 100%.

+ Riêng 03 vị trí (06 cột) bổ sung, đã được Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo thẩm định; Ban GPMB tỉnh đã phê duyệt phương án bồi thường, đang tiến hành chi trả

cho các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật do các cơ quan TW quản lý như cáp quang, cáp viễn thông bị ảnh hưởng: Đang tập trung di dời đối với 95/95 vị trí.

i) Tình hình vốn cấp và kế hoạch chi trả kinh phí bồi thường GPMB

- Tổng vốn Bộ GTVT đã cấp tính hết năm 2023: **4.813,5 tỷ đồng**, đạt **97,2%** so với kinh phí được phê duyệt (*4.953 tỷ đồng*) và đạt **90,7%** so với nhu cầu thực tế (*5.306 tỷ đồng*).

- Kết quả giải ngân đến nay: Đã giải ngân **4.731,2 tỷ đồng**, đạt **98,3%** vốn cấp; trong đó, có 04 địa phương (Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ và Quy Nhơn) đã hoàn thành giải ngân 100% vốn cấp.

3. Tình hình xuất nhập khẩu

Đơn hàng xuất khẩu đang dần phục hồi kể từ quý IV/2023 là một trong những yếu tố để kỳ vọng bức tranh xuất khẩu năm 2024 sẽ khởi sắc hơn trong năm 2023. Ngay sau khi nghỉ Tết Nguyên đán 2024, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại, tăng tốc sản xuất các đơn hàng đã ký. Với sự quyết tâm cao, ngay từ đầu năm nhiều doanh nghiệp nỗ lực tìm kiếm mở rộng thị trường, đối tác xuất khẩu mới để tạo đà hoàn thành mục tiêu, kế hoạch năm 2024. Tuy nhiên, tháng 02 năm 2024 rơi vào Tết Nguyên đán nên số ngày làm việc ít hơn năm trước, đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh.

3.1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu tháng 02/2024 ước đạt 110 triệu USD, giảm 25% so tháng trước và giảm 3,1% so cùng kỳ. Hai tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 256,5 triệu USD, tăng 16,3% so cùng kỳ; trong đó khu vực kinh tế Nhà nước tăng 29,2%, kinh tế tư nhân tăng 11,6%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 50,1%. Các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng gồm: gạo, thủy sản, sản phẩm gỗ; hàng dệt và may mặc,...

Hai tháng năm 2024, các mặt hàng xuất khẩu trực tiếp của Bình Định ước đạt 254,9 triệu USD, đã đến 69 quốc gia và vùng lãnh thổ trên 5 châu lục, cụ thể: Châu Á có 17 nước, ước đạt 68 triệu USD, chiếm 26,7% so kim ngạch xuất khẩu trực tiếp; xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc; Châu Âu có 30 nước, ước đạt 75,3 triệu USD, chiếm 29,5% so kim ngạch xuất khẩu trực tiếp, xuất khẩu chủ yếu vào thị trường Đức, Pháp, Anh; Châu Mỹ có 14 nước, ước đạt 105,3 triệu USD, chiếm 41,3% so kim ngạch xuất khẩu trực tiếp, chủ yếu xuất khẩu thị trường Mỹ...

3.2. Nhập khẩu

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 2/2024 ước đạt 23,5 triệu USD, giảm 19% so tháng trước và giảm 3,4% so cùng kỳ.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2024, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 52,5 triệu USD, giảm 3,7% so cùng kỳ; hầu hết các mặt hàng nhập khẩu đều tăng, ngoại trừ hàng thủy sản giảm 58,4% so cùng kỳ.

4. Về thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước tháng 02 là 857,9 tỷ đồng, trong đó thu nội địa là 806,4 tỷ đồng, thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu là 36,9 tỷ đồng.

Lũy kế 02 tháng đầu năm, tổng thu ngân sách nhà nước là 2.201,2 tỷ đồng, đạt 14,7% dự toán năm và tăng 39,9% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa (*trừ tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại*) là 1.333,3 tỷ đồng, đạt 16,7% dự toán năm, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Riêng thu tiền sử dụng đất là 636,8 tỷ đồng, đạt 10,4% dự toán năm, tăng 127,8% so với cùng kỳ; thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu là 145,7 tỷ đồng, đạt 32,4% dự toán năm, tăng 278,7% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương là 3.061,9 tỷ đồng, đạt 14,3% dự toán năm, tăng 1,6% so với cùng kỳ; trong đó chi thường xuyên là 1.666,3 tỷ đồng, đạt 16,9% dự toán năm, tăng 6,5% so với cùng kỳ.

5. Tình hình khác có liên quan

5.1. Tình hình sử dụng lao động nước ngoài tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh được các sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp triển khai tích cực, hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng nội dung lẫn hình thức tuyên truyền. Từ đó, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài của các tổ chức, doanh nghiệp. Định kỳ các đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản liên quan tình hình người nước ngoài làm việc tại đơn vị báo cáo gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực) tổng hợp báo cáo UBND tỉnh. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý lao động nước ngoài đang làm việc tại địa phương cũng được quan tâm thực hiện thường xuyên, nhưng chủ yếu là kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các nhà thầu chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý người lao động nước ngoài tại Việt Nam.

5.2. Về hoạt động ngân hàng

Ước tính đến 29/02/2024, tổng số dư huy động của hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định đạt 104.500 tỷ đồng, tăng 10,6% so cùng kỳ và tăng 0,2% so với tháng 12 năm 2023.

Tổng dư nợ cho vay tính đến cuối tháng 02/2024 ước đạt 103.940 tỷ đồng, tăng 9% so cùng kỳ và tăng 0,3% so với tháng 12 năm 2023.

Ước đến 29/02/2024 nợ xấu trên địa bàn chiếm tỷ lệ 0,8% so với tổng dư nợ.

II. CÁC KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng

- Tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội quy định “*Đối với dự án nhà ở xã hội chỉ để cho thuê thì chủ đầu tư chỉ được bán sau thời gian tối thiểu là 10 năm kể từ khi*

hoàn thành bàn giao để cho thuê và chỉ được bán cho các đối tượng quy định tại Điều 49 của Luật Nhà ở, với giá bán tối đa bằng giá bán nhà ở xã hội cùng loại tại cùng địa điểm”, việc quy định chỉ được bán sau thời gian tối thiểu 10 năm kể từ khi hoàn thành bàn giao là không hợp lý, vì tại một số địa phương người dân không có nhu cầu thuê (chỉ có nhu cầu mua), việc quy định này sẽ gây thiệt hại kinh tế cho các chủ đầu tư dự án (chôn vốn, nhà để trống sẽ mau xuống cấp).

- Tại điểm a khoản 1 Điều 51 Luật Nhà ở năm 2014 quy định điều kiện được hưởng chính sách nhà ở xã hội là **“Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, học tập hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người trong hộ gia đình thấp hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ và từng khu vực”**, không quy định **chưa có đất ở**. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định **“Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định này) về Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan thuế tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng để kiểm tra thông tin theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về kết quả xác minh”**, quy định thêm đã có **đất ở**. Vậy giữa Luật Nhà ở và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không thống nhất với nhau.

- Tại điểm c khoản 1 Điều 51 Luật nhà ở 2014 quy định điều kiện về thu nhập được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, cụ thể: **“Đối với đối tượng quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật này thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Đối với đối tượng quy định tại các khoản 1, 8, 9 và 10 Điều 49 của Luật này thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện về thu nhập theo quy định tại điểm này.”**. Tại Điều 22 Nghị định 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trong đó tại điểm a khoản 5 quy định **“a) Các đối tượng quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều 49 của Luật Nhà ở phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị mà người đó đang làm việc về mức thu nhập thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân;”**. Trong khi tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định **“Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội có trách nhiệm gửi Danh sách các đối tượng dự kiến được giải**

quyết mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định này) về Sở Xây dựng địa phương nơi có dự án để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương”. Như vậy, cụm từ quy định về điều kiện thu nhập để hưởng chính sách nhà ở xã hội giữa Luật Nhà ở và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, trong các điều khoản trước sau của Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ không thống nhất với nhau; đồng thời chưa có quy định rõ việc xác định về **“thu nhập thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân”** dẫn đến khó thực hiện.

- Quy trình và hồ sơ vay vốn của bên cung cấp tín dụng yêu cầu qua nhiều bước trung gian và cung cấp thông tin quá chi tiết dẫn đến chồng chéo, mất khá nhiều thời gian gây khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay. Cụ thể là đối với gói tín dụng 120.000 tỷ đồng để hỗ trợ các dự án nhà ở xã hội vì ngoài tài sản đảm bảo từ việc thế chấp dự án thì các Ngân hàng thương mại yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo khác. Việc này gây khó khăn cho doanh nghiệp do chủ dự án đã phải đối ứng 20% trên tổng mức đầu tư của dự án.

- Theo quy định hiện nay, khi vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) ngoài việc phải chuẩn bị 01 bộ hồ sơ như bộ hồ sơ đăng ký mua nhà (gồm rất nhiều giấy tờ và văn bản cần xin xác nhận), người vay vốn còn phải thực hiện thủ tục qua rất nhiều khâu xét duyệt từ Tổ tiết kiệm đến UBND cấp xã/phường và Chi nhánh NHCSXH tại địa phương. Điều này gây khó khăn và mất nhiều thời gian cho người vay vốn, dẫn đến việc giải ngân chậm theo tiến độ hợp đồng mua nhà đã ký với chủ đầu tư.

2. Về chính sách tín dụng

Tình hình khó khăn chung của thị trường là nguyên nhân chính và trực tiếp tác động tiêu cực đến khả năng hấp thụ vốn tín dụng của nền kinh tế và khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, cụ thể: cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn (Mỹ, Châu Âu...) và trong nước đều suy giảm; các ngành nghề xuất khẩu, du lịch chưa phục hồi hoàn toàn, tình trạng thiếu hụt đơn hàng xuất khẩu (các ngành gỗ xuất khẩu, thủy sản...), chi phí đầu vào tăng cao, lượng hàng tồn kho lớn nhưng không tìm được đầu ra...ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh dẫn đến khả năng hấp thụ và tiếp cận vốn tín dụng còn hạn chế.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa đáp ứng được điều kiện vay vốn tại các TCTD dẫn tới khả năng tiếp cận vốn tín dụng còn hạn chế, một số nguyên nhân chủ yếu như: thiếu phương án kinh doanh khả thi, tình hình tài chính thiếu minh bạch, khả năng quản trị điều hành doanh nghiệp còn yếu...

3. Về thị trường

Thời gian qua, các doanh nghiệp xuất khẩu lớn trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn trong hoạt động xuất khẩu do nhiều quốc gia tiếp tục thắt chặt chỉ tiêu trước tình trạng lạm phát cao, lượng hàng tồn kho tại các thị trường hiện đang rất lớn, dẫn đến các doanh nghiệp phải sản xuất cầm chừng và cắt giảm số lượng lao động. Tình trạng sụt giảm, thậm chí mất hẳn đơn hàng ngành gỗ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tại các thị trường chính như: Mỹ, EU, Anh,... diễn ra rất phổ biến trong ngành gỗ trên địa bàn tỉnh nói riêng và ngành gỗ cả nước nói chung. Trước tình hình giảm cầu tại các thị trường xuất khẩu chính, nhiều khách hàng, nhà nhập khẩu còn gây áp lực giảm giá bán lên các nhà máy sản xuất, xuất khẩu sản phẩm gỗ.

Cũng từ nguyên nhân thiếu đơn hàng ảnh hưởng cả nước nên thu nhập và tâm lý của doanh nghiệp, của người lao động trước áp lực lạm phát trở nên hạn chế chi tiêu, nhu cầu giảm hầu hết ở các ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ...

4. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú trên địa bàn còn hạn chế; chưa kết nối dữ liệu giữa các cơ quan đơn vị, địa phương trong tỉnh, dẫn đến công tác trao đổi thông tin trong công tác quản lý người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại địa phương có lúc chưa đáp ứng được nhu cầu, nhiệm vụ đề ra.

- Một số cơ quan, doanh nghiệp, người nước ngoài chưa nghiên cứu và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài nên vẫn còn xảy ra các vi phạm, tình trạng lao động không giấy phép, không đúng mục đích nhập cảnh, không đăng ký lưu trú, quá hạn thị thực.

- Việc quản lý lao động nước ngoài sau khi cấp giấy phép còn gặp khó khăn, ở một số doanh nghiệp người sử dụng lao động không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định như sau khi người nước ngoài được cấp giấy phép lao động không gửi bản hợp đồng lao động, khi người lao động nước ngoài không còn làm tại doanh nghiệp hoặc giấy phép lao động hết hạn không báo cáo với cơ quan cấp giấy phép lao động và còn tình trạng tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài khi chưa được cấp giấy phép lao động.

- Người sử dụng lao động có nhu cầu tuyển lao động nước ngoài chưa quan tâm tuyên truyền, cung cấp các quy định của pháp luật Việt Nam nên một số người lao động chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ còn chậm muộn.

- Hiện việc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài qua mạng điện tử còn vướng trong khâu chấp thuận của UBND tỉnh vì phần mềm quản lý lao động nước ngoài của Cục Việc làm chưa liên thông với cổng điện tử của UBND tỉnh.

- Chưa có quy định về bằng đại học danh dự có được áp dụng đối với trường hợp vị trí công việc chuyên gia.

- Chưa có hướng dẫn cụ thể cách thức chứng minh giá trị góp vốn dưới 3 tỷ đồng của doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tài liệu minh chứng đối với trường hợp " Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm

hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; Là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên”.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về chính sách tín dụng

- Ngân hàng Nhà nước quan tâm chỉ đạo các Ngân hàng thương mại có phương án, giải pháp để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tín dụng của các khách hàng, nhất là các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên khuyến khích phát triển và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ, đồng thời kiểm soát chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn hệ thống.

- Tích cực triển khai các chương trình tín dụng, chính sách theo chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam như: Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản; Chương trình tín dụng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và cải tạo chung cư cũ; Chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP; Chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN để góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Về phát triển đô thị, kinh doanh bất động sản, nhà ở

- Bộ Xây dựng nghiên cứu, đề xuất Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là ban hành cơ chế, chính sách riêng đủ hấp dẫn về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước đơn giản hóa thủ tục cho vay gói tín dụng 120.000 tỷ đồng để các nhà đầu tư, người mua nhà ở xã hội nhanh chóng được tiếp cận, được giải ngân trong thời gian ngắn nhất.

- Pháp luật về nhà ở chỉ quy định đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội thì phải đảm bảo điều kiện là thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trong khi pháp luật về thuế thu nhập chưa có quy định này, dẫn đến việc xác định điều kiện thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên khó thực hiện, gây lúng túng cho các chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội, cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Đề nghị Bộ Xây dựng hướng dẫn cụ thể việc xác định điều kiện khi mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

- Hiện tại, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã bãi bỏ cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội là được dành 20% tổng diện tích đất ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (bao gồm cả dự án sử dụng quỹ đất 20%) để đầu tư xây dựng nhà ở thương mại nhằm bù đắp chi phí đầu tư, góp phần giảm giá bán, giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và giảm kinh phí dịch vụ quản lý, vận hành nhà ở xã hội

sau khi đầu tư, dẫn đến một số dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã dừng lập quy hoạch chi tiết 1/500, chấp thuận chủ trương đầu tư, ... chờ đến khi Luật Nhà ở năm 2023 có hiệu lực mới tiếp tục triển khai (vì *Luật Nhà ở năm 2023 có quy định cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội là được dành tỷ lệ tối đa 20% tổng diện tích đất ở trong phạm vi dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để đầu tư xây dựng công trình kinh doanh dịch vụ, thương mại, nhà ở thương mại*). Như vậy, trong khoảng trống thời gian chờ Luật Nhà ở năm 2023 có hiệu lực, đề nghị Bộ Xây dựng có giải pháp đề xuất Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ, ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định Luật Nhà ở năm 2023 để các dự án được triển khai liên tục.

3. Về đầu tư xây dựng trong Khu kinh tế Nhơn Hội

3.1. Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ: *“Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, chương trình phát triển đô thị, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc quyết định các khu vực phát triển đô thị theo thẩm quyền được quy định tại Điều 9 của Nghị định này”*; mục a, Khoản 1, Điều 9: *“1. Thủ tướng Chính phủ quyết định các khu vực phát triển đô thị dưới đây sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Xây dựng về các nội dung được quy định tại Khoản 3 Điều này a) Khu vực phát triển đô thị tại các đô thị có đồ án quy hoạch chung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ”*.

Như vậy theo quy định về trách nhiệm lập, phê duyệt hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị thì Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị Khu kinh tế Nhơn Hội sẽ được Bộ Xây dựng thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế xã hội cũng như thuận lợi trong công tác kêu gọi, thu hút đầu tư, phát triển các dự án đô thị, bất động sản, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ phân cấp về cho địa phương được phê duyệt Hồ sơ đề xuất các khu vực phát triển đô thị phù hợp với Quy hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.2. Theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ: *“Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định đối với dự án do Quốc Hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; Dự án nhóm A; Dự án đầu tư xây dựng có công trình cấp đặc biệt, cấp I; dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của 02 tỉnh trở lên”*. Đồng thời, theo quy định tại Điểm a Khoản 12 Điều 13 Nghị định 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2021 của Chính phủ: *“Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với: Dự án, công trình không phân biệt nguồn vốn đầu tư đáp 2 ứng tiêu chí phân loại dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công (trừ các dự án, công trình đầu tư xây dựng sử dụng ngân sách nhà nước do cấp tỉnh là chủ đầu tư)...”*.

Qua rà soát, đa số các dự án du lịch trên địa bàn KKT Nhơn Hội có tổng mức

đầu tư 800 tỷ đồng trở lên thuộc **dự án nhóm A** theo quy định tại Phụ lục 01 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020. Theo đó, các thủ tục chuẩn bị đầu tư như thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm duyệt thiết kế về PCCC... đối với các dự án này đều do cơ quan chuyên môn ở Trung ương thẩm định. Việc triển khai các thủ tục thẩm định theo quy định hiện tại dẫn đến kéo dài thời gian thực hiện và tốn kém rất nhiều chi phí cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đối với các công trình sử dụng vốn khác, cơ quan quản lý nhà nước nên thực hiện quản lý theo cấp công trình như các quy định trước đây (đối với Trung ương là cấp đặc biệt, cấp I; địa phương là cấp II trở xuống).

Các quy định về phòng cháy chữa cháy hiện hành rất khắt khe, nhiều quy định, tần suất kiểm tra của cơ quan chức năng rất dày dẫn đến doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian và chi phí tuân thủ, đây là áp lực rất lớn trong bối cảnh khó khăn hiện nay.

Do vậy, để tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ dự án, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, kiến nghị Chính phủ, Bộ Xây dựng quan tâm xem xét nội dung *“phân cấp, ủy quyền, giao cho địa phương tổ chức thẩm định đối với các dự án sử dụng vốn khác có quy mô từ cấp I trở xuống, không phân biệt tổng mức đầu tư”*. Đồng thời, đề nghị cơ quan chức năng sớm điều chỉnh các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 220/CD-TTg ngày 5/4/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy, đồng thời giảm tần suất kiểm tra hoặc công tác kiểm tra cần quy định tần suất phù hợp theo mức độ nguy cơ cháy theo từng ngành nghề

4. Về cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài

Đề nghị Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP đề nghị quy định rõ bằng đại học danh dự có được áp dụng đối với trường hợp này không?

- Tại quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định: “ Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên; Là chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên” đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể hơn tài liệu chứng minh giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên.

- Tại quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ đề nghị bổ sung quy định: “ Tốt nghiệp đại học tại các trường đại học ở Việt Nam và phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam”.

- Tại điểm b Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ đề nghị bổ sung quy định: “ Bằng tốt nghiệp đại học đối với trường hợp tốt nghiệp đại học tại Việt Nam”.

Trên đây là Báo cáo sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh, các tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ thúc đẩy phát triển, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, XD, CT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K1, K3, K6, K14.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tự Công Hoàng